

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Tuấn**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tuấn Chiến** và ông **Vũ Quang Yên**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Tuyết Mai** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Kim Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2020/TLST- HNGĐ ngày 19/7/2021 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Như Q** – sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn P1, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Trần Văn T** – sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn P1, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Chị Q, anh T đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn là chị Nguyễn Như Q trình bày:

Chị và anh Trần Văn T kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P cũ nay là UBND xã PL, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Trước khi tổ chức lễ cưới anh chị được tự nguyện tìm hiểu nhau. Sau khi cưới anh chị ở chung với gia đình chồng một thời gian khoảng gần 03 năm thì ra ở riêng. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do thường xuyên cãi cọ nhau, anh T nhiều lần đánh đập chị. Mâu thuẫn đã rất trầm trọng nên chị đã về nhà bố đẻ ở từ tháng 7/2021. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Phi L – sinh ngày 17/10/2013 và Trần Phi L1 – sinh ngày 01/12/2017. Hiện nay cháu L đang ở cùng anh T, cháu L1 ở cùng chị. Quan điểm của chị sau khi ly hôn chị xin nuôi

cả hai con chung. Nếu không được nuôi cả hai con thì chị xin nuôi một con chung là cháu Trần Phi L1. Chị không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Như Q năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P cũ nay là UBND xã PL, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Trước khi tổ chức lễ cưới anh chị được tự nguyện tìm hiểu nhau. Sau khi cưới anh chị ở chung với gia đình anh một thời gian khoảng gần 03 năm thì ra ở riêng. Cuộc sống hạnh phúc bình thường. Vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng không lớn chỉ là ý ản ý ở hằng ngày. Chị Q không chăm lo cho gia đình, hết giờ làm không về nhà ngay mà nhiều khi ăn cơm luôn trên nhà bỏ để chị Q, về đến nhà là chỉ dùng điện thoại chứ không chăm sóc gia đình và con cái. Chị Q đã tự ý về nhà bố đẻ ở từ tháng 7/2021. Quá trình giải quyết vụ án anh có quan điểm không nhất trí ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm và anh không muốn các con phải khổ. Tuy nhiên tại phiên tòa anh trình bày quan điểm nhất trí ly hôn với chị Q.

Về con chung: Anh và chị Q có 02 con chung là Trần Phi L – sinh ngày 17/10/2013 và Trần Phi L1 – sinh ngày 01/12/2017. Hiện nay cháu L đang ở cùng anh, cháu L1 ở cùng chị Q. Quan điểm của anh là nếu ly hôn thì anh xin nuôi cả hai cháu. Nếu không được nuôi cả hai con chung thì anh xin nuôi một cháu là Trần Phi L. Anh không đề nghị chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, các vấn đề khác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Như Q và anh Trần Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Phi L1 – sinh ngày 01/12/2017. Giao cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Phi L – sinh ngày 17/10/2013. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, về vay nợ chung: Hai bên không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Như Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Trần Văn T cư trú tại Thôn P1, xã C, huyện Đ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T kết hôn là hôn nhân hợp pháp bởi lẽ anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Phú nay là xã PL vào năm 2013. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị hiện đã rạn nứt, mỗi người một nơi, không còn đời sống chung. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị Q giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T, anh T nhất trí ly hôn. Vì vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Như Q và anh Trần Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh T có 02 con chung là Trần Phi L – sinh ngày 17/10/2013 và Trần Phi L1 – sinh ngày 01/12/2017. Hiện nay cháu Lđang ở cùng anh T, cháu L1 ở cùng chị Q. Xét về điều kiện nuôi con của cả hai anh chị: Thu nhập của anh T là khoảng 8.000.000đ/ 1 tháng, thu nhập của chị Q khoảng 7.000.000đ/ 1 tháng. Cả hai anh chị đều có nơi ăn chốn ở đảm bảo điều kiện nuôi con. Để không làm xáo trộn cuộc sống đang ổn định của các con chung, cần giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Trần Phi Long, chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Trần Phi L1 theo nguyện vọng của anh chị.

Chị Q và anh T đều tự nguyện không đề nghị cấp dưỡng nuôi con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung : Chị Q và anh T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Q phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Như Q và anh Trần Văn T.

2- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Như Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Phi L1 – sinh ngày 01/12/2017. Giao cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Phi L – sinh ngày 17/10/2013. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ký hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai bên không đề nghị nên không đặt ra giải quyết

4- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Như Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2020/0002226 ngày 19/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Q, anh T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Anh Tuấn